

***Vietnam visa fee will rise higher since 1st January 2013,
regulated by Ministry of Finance under the Circular
190/2012/TT-BTC***

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 190/2012/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2012

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư 66/2009/TT-BTC quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28 tháng 8 năm 2001, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam như sau:

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 4 và khoản 6 mục II Phụ lục Biểu mức thu lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực và các loại giấy tờ về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính bằng các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 như sau:

STT	Tên lệ phí	Mức thu
1	Cấp thị thực có giá trị một lần	45 USD
2	Cấp thị thực có giá trị nhiều lần	
a)	Có giá trị dưới 01 tháng	65USD
b)	Có giá trị dưới 06 tháng	95 USD
c)	Có giá trị từ 6 tháng trở lên	135 USD
3	Chuyển ngang giá trị thị thực, tạm trú từ hộ chiếu cũ đã hết	15 USD

	hạn sử dụng sang hộ chiếu mới	
4	Cấp thẻ tạm trú	
a)	Có giá trị đến 1 năm	80 USD
b)	Có giá trị trên 1 năm đến 2 năm	100 USD
c)	Có giá trị trên 2 năm đến 3 năm	120 USD

Điều 2.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2013.

2. Các nội dung khác liên quan đến lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam không đề cập tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Lưu VT, CST (CST 5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai